

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2024/HNGĐ-ST
Ngày 29-02-2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vương Văn Mù
- Bà Lê Thị Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Sự - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Hồng Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* chị Trần Thị L; sinh năm: 1994; địa chỉ: Tổ C, ấp P, xã P, huyện D, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin vắng mặt);

- *Bị đơn:* anh Trương Minh K; sinh năm: 1986; địa chỉ: ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-9-2023 và trong quá trình làm việc nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Trương Minh K tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại xã Đ, T, Tây Ninh. Ngày cưới bên chồng có cho 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, hiện mẹ anh K cất giữ, chị không yêu cầu giải quyết. Cưới xong vợ chồng sống riêng trong căn nhà của cha mẹ chồng. Vợ chồng sống đến tháng 01 năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh K không chịu đi làm, mà thường xuyên rượu chè về kiếm chuyện ghen tuông, chửi mắng, đánh đập chị, có lần đánh chị bị té đầu chảy máu, chị có trình báo chính quyền áp nhưng không giải quyết, vợ chồng hay cãi vã nhau, cuộc sống không hạnh phúc, nên chị bỏ đi về nhà cha mẹ ruột ở, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01

năm 2019. Thời gian này anh chị không gặp nhau bàn việc đoàn tụ lại, cũng không ai gọi điện cho ai, cha chị có gọi anh K nhiều lần đến nói chuyện nhưng anh K không đến, gia đình hai bên không giải quyết. Do vợ chồng không còn tình cảm với nhau, nên chị xin ly hôn với anh K.

- Về con chung: có 01 con Trương Trần Ngọc A, sinh ngày 05-6-2014 hiện anh K đang nuôi, chị đồng ý giao cho anh K nuôi, chị không cấp dưỡng, nhưng làm có tiền chị sẽ lo cho con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, chị không yêu cầu giải quyết. Ngày 02-02-2024 chị có đơn xin giải quyết vắng mặt, do bận đi làm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 26-01-2024 bị đơn anh Trương Minh K trình bày: anh và chị Trần Thị L tự nguyện tổ chức lễ cưới với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại xã Đ, T, Tây Ninh. Cưới xong vợ chồng ở riêng tại ấp T, xã Đ, thị xã T, tỉnh Tây Ninh, anh đi làm thuê, còn vợ làm công nhân. Vợ chồng sống đến năm 2019 xảy ra mâu thuẫn, do vợ chồng ai cũng đã ly hôn, có con riêng, nên không tin tưởng lẫn nhau về tiền bạc, dẫn đến hay cãi vã gây gổ nhau, vợ bỏ nhà đi luôn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 01 năm 2019. Thời gian này vợ chồng không gặp nhau bàn việc đoàn tụ lại, gia đình hai bên cũng không giải quyết. Nay vợ xin ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: có 01 con tên Trương Trần Ngọc A, sinh ngày 05-6-2014 hiện anh đang nuôi, anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết. Ngày 26-01-2024 anh có đơn xin giải quyết vắng mặt, do bận đi làm. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Chị L và anh K có đơn yêu cầu xin giải quyết vắng mặt có lý do nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị L đối với anh Trương Minh K; về con chung: giao cháu Trương Trần Ngọc A, sinh ngày 05-6-2014 cho anh K được quyền tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và về nợ chung: không đặt ra giải quyết. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* chị L và anh K có đơn xin vắng mặt có lý do, nên xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: chị L và anh K tự nguyện tổ chức với nhau vào năm 2014, có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và không còn quan hệ tình cảm với nhau từ tháng 01 năm 2019.

Xét thấy, do anh chị sống không phù hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, nên hay cãi vã gây gổ nhau, dẫn đến cuộc sống không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2019. Qua làm việc anh K cung cấp lời khai, nhưng không tham gia các phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải, tức là anh không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn của anh chị đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không còn đạt được, anh chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019, nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: có 01 cháu Trương Trần Ngọc A, sinh ngày 05-6-2014, anh K đang nuôi, anh yêu cầu tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, chị L đồng ý theo yêu cầu của anh K. Xét thấy, cháu Ngọc A đã trên 07 tuổi, có nguyện vọng muốn sống với cha, nghỉ nên chấp nhận yêu cầu của anh K, giao cháu Ngọc A cho anh K được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng của cháu Ngọc A và phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân gia đình.

[4] *Về tài sản chung*: chị L, anh K không yêu cầu, nên không giải quyết.

[5] *Về nợ chung*: chị L, anh K khai không có, nên không giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm ly hôn*: chị L chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về hôn nhân*: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị L đối với anh Trương Minh K. Chị L được ly hôn với anh K.

2. *Về con chung*: giao cháu Trương Trần Ngọc A, sinh ngày 05-6-2014 cho anh Trương Minh K được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận anh K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung*: chị L, anh K không yêu cầu, nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: chị L, anh K khai không có, nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: chị Trần Thị L chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0027601 ngày 09-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị

xã Trảng Bàng. Chị L nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- UBND xã Đôn Thuận, Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An